



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 16/11/2025 (Chủ Nhật)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
3.5	23:00	02:30	↙
1.9	05:40	09:30	↗
3	11:23	14:30	↙
2	17:12	20:30	↗
3.5	23:23	02:45	↙
1.5	06:10	09:45	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	K.Toàn - N.Hiến	ARCHER	10	223	27,779	P/s3 - CL5	06:00	//0900	A1-A9
2	N.Chiến - Quyền	INCRES	9	172	19,035	P/s3 - CL3	06:30	//0930	A2-A5
3	H.Trường	PEGASUS PROTO	9.3	172	18,354	P/s3 - CL1	09:00	//1200	A3-TM
4	V.Tùng	BEROLINA C	10.9	209	26,435	P/s3 - CL4	11:30		A1-A9
5	Đ.Toàn - Chính	SITC HAODE	9.3	172	19,011	P/s3 - BNPH	09:00	//1100	A2-A3
6	Thịnh	CATLAI EXPRESS	8.3	172	18,848	P/s3 - BNPH	16:00	//1900	A3-01
7	Trung	KMTC HAIPHONG	9.2	173	18,370	P/s3 - CL7	23:00	//2000	A1-A9
8	Quyết	EVER CALM	9.8	172	18,658	P/s3 - CL1	22:00	//0100	
9	M.Hải - M.Cường	GSL AFRICA	10.5	200	27,213	P/s3 - CL4-5	23:00	//0200	
10	T.Tùng	SAWASDEE PACIFIC	9.7	172	18,051	P/s3 - CL7	05:30	// 0830	
11	Đ.Minh	HE SHUN	5.5	162	13,267	H25 - TCHP	22:30	ĐX, SR	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đức - N.Hoàng	ZIM MOONSTONE	14.8	272	74,693	CM4 - P/s3	23:00	MP	
2	Trung - P.Thùy	OOCL LILAC	12.3	367	159,260	P/s3 - CM4	10:00	MP-3NM-VTX	A10-H2-STG2
3	Nghị	GSL MAREN	10.5	209	26,374	P/s3 - CM2	12:00	MP	MR-KS
4	N.Thanh	GSL MAREN	11.5	209	26,374	CM2 - P/s3	19:00	MP	MR-KS

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Dũng	JOSCO SHINE	8.9	172	18,885	TCHP - H25	00:00	SR	08-12
2	P.Hung	MCC TAIPEI	8.1	186	33,128	CL4 - P/s3	21:00	Cano DL, LT	A1-A9
3	P.Cân	YM HARMONY	9	169	15,167	CL7 - P/s3	08:00		A3-01
4	M.Hải - Giang	TPC-TK-04; TPC-SL-14	2.9	200	6,257	CAN GIO - H25	15:00	SR	
5	T.Hiến	WAN HAI 291	10.5	175	20,899	CL4-5 - P/s3	08:30		A3-A5
6	N.Cường - Anh	WAN HAI 335	9.2	210	32,120	CL3 - P/s3	10:00		A2-A5

7	Hà	WAN HAI 373	9.8	204	30,676	CL5 - P/s3	08:00		A1-A9
8	Kiên	SHENG LI JI	10.1	172	18,219	CL1 - P/s3	10:30		A3-TM
9	P.Tuấn	SKY RAINBOW	7.9	173	17,944	BNPH - P/s3	12:30		A2-A5
10	N.Tuấn	SAN PEDRO	9.5	172	16,880	CL4 - P/s3	16:00		A3-01
11	Khái	SITC HAODE	9.5	172	19,011	BNPH - P/s3	19:00		A2-A3
12	T.Tùng	HELGOLAND	8.6	172	18,680	TCHP - H25	20:00	SR	08-12
13	Tân	SAWASDEE PACIFIC	9.7	172	18,051	CL7 - P/s3	20:00		A2-A5
14	Tín - Giang	STAR 26	3.7	111	3,640	CAN GIO - H25	14:30	ĐX, SR	.
STT	Hoa tiêu	Tàu dời	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Tân	SAN PEDRO	9	172	16,880	BNPH - CL4	00:30		A3-01
2	A.Tuấn	NICOLAI MAERSK	11	199	27,733	BP7 - CL4-5	08:30		A1-A9



TAN CANG
P I L O T

PILOTING TO SUCCESS